

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 207/2024/DS-PT
Ngày: 04 - 4 - 2024
V/v tranh chấp "Lỗi đi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thơ

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Lỗi đi".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 382/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Văn T, sinh năm 1963;

1.2. Bà Lương Thị H, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Tiền Giang

- Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số G, tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 30/3/2023 tại Văn phòng C1)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968;

2.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978;

2.3. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông S, chị D, bà K: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968 (theo ấn"Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2023);*

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

2.5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đào Văn T1, sinh năm 1982;

3.2. Anh Đào Văn P, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người đại diện theo ủy quyền: Chị Dương Thị C, sinh năm 1985;*

Địa chỉ: số G, tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (theo Giấy ủy quyền ngày 30/3/2023 tại Văn phòng C1)

3.3. Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ngân hàng N4;

Địa chỉ: số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

- *Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T2 - Chức vụ: Giám đốc.*

- *Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn H2, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N4 - Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Nguyễn Văn H1.

(Có mặt chị C, ông H1. Những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo án sơ thẩm:**

- *Nguyên đơn ông Đào Văn T, bà Lương Thị H có đại diện theo ủy quyền là chị Dương Thị C trình bày:*

Hộ ông Đào Văn T, bà Lương Thị H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3809, tờ bản đồ số 01, diện tích 7.436,5m² tại địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng vào năm 2000. Trước khi nhận chuyển nhượng thì phía

trước phần đất đã có một đường đi hình thành từ năm 1976 có chiều rộng khoảng 1,3m, dài khoảng 40m nằm cặp kênh S, mặt còn lại giáp đất của ông Nguyễn Văn N1 dùng làm lối đi chung cho các hộ dân ra ruộng canh tác lúa. Đến năm 2000, các hộ dân này chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông T và hộ ông Nguyễn Văn N2, nên chỉ còn hộ gia đình ông T sử dụng lối đi. Cùng thời gian này, ông Nguyễn Văn N1 cũng tiến hành làm hàng rào, kết cấu cột bê tông, kẽm gai để rào đất của ông N1, có chừa ra lối đi nêu trên cho hộ ông T sử dụng.

Sau khi ông Nguyễn Văn N1 mất, anh Nguyễn Văn H1 là con ông N1 quản lý đất. Đến khoảng tháng 6/2022, do đường đi xuống cấp, khó khăn trong việc di chuyển nên ông T chuẩn bị lát đan lại lối đi thì ông H1 ngăn cản. Đồng thời, ông H1 còn kêu người xây cột, kéo lưới B40 rào hết đường đi vì cho rằng ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã Đ hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 15/10/2022 ông H1 tiếp tục cho thợ xây tường cao 03 mét bít ngang lối đi, gia đình ông T có báo lên Ủy ban nhân dân xã Đ và Công an xã Đ nhờ giải quyết, ông H1 cam kết không xây tường bít lối đi nhưng sau đó không thực hiện. Ngoài lối đi này, gia đình ông T không còn lối đi nào khác để vào đất canh tác nên bỏ hoang đất từ tháng 8/2022 đến nay làm thất thu về kinh tế.

Nay ông T, bà H yêu cầu các ông bà Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Mỹ K mở cho ông T, bà H 01 lối đi có diện tích 58,1m² (rộng 1,5 mét và 1,7 mét; dài một cạnh 38,48 mét, một cạnh 37,79 mét) thuộc thửa đất số 10, nằm trong tổng diện tích 2.730m² tại địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn N1 đứng tên quyền sử dụng.

Ông T và bà H bà đồng ý hoàn trả giá trị của 58,1m² đất nêu trên và bồi thường tài sản trên đất cho các bị đơn theo biên bản định giá tài sản là 56.398.400 đồng.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn H1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Mỹ K trình bày:

Cha ông H1 là ông Nguyễn Văn N1, mẹ ông là bà Huỳnh Thị H3. Cha mẹ ông chết có để lại 02 thửa đất số 09, diện tích 1480m² và thửa đất số 10, diện tích 2730m² tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn N1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Đào Văn T có sử dụng đất gần hai thửa đất nói trên. Trước đây khi cha ông H1 còn sống có cho ông T đi nhờ cặp theo bờ kênh S nằm trên thửa đất số 10 của cha ông H1. Sau khi cha ông H1 mất thì vào năm 2022 ông T tự ý làm đường đan mà không hỏi ý kiến của ông H1 nên các bên mâu thuẫn nhau. Nay ông H1 đã làm hàng rào xung quanh đất bằng lưới B40 và xây tường bít lối đi để bảo vệ cây trái và tài sản của ông H1.

Vì vậy, ông H1 và các anh chị em của ông H1 không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của ông T, bà H với các lý do: Đất của cha ông H1 không tiếp giáp và vây bọc phần đất của ông T, bà H; Nếu mở lối đi thì việc cấp thoát nước sẽ khó khăn vì lối đi cặp bờ kênh; Phần đất của ông Nguyễn Văn N2 tiếp giáp đất của ông T, bà H và gần đường đi công cộng thuận tiện cho việc đi lại nhưng ông T không thương lượng mở lối đi; Hiện tại có nhiều lối đi hiện hữu, thuận tiện để ông T, bà H đi ra đường công cộng nhưng ông T, bà H không chịu thỏa thuận; Hiện tại lối đi ông H1 đã rào lại và xây bít lối đi nên mở lối đi thì sẽ tốn kém, không thuận tiện và không hợp lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện C, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Ngày 28/5/2021, bà Lương Thị H có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00990 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 08/7/2019 cho hộ bà Lương Thị H để vay vốn tại Ngân hàng N4 - Chi nhánh huyện C - Phòng G, theo hợp đồng tín dụng số 6903-LAV-202105273, vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 28/5/2021 đến ngày 25/05/2027. Do hợp đồng tín dụng còn trong hạn và hộ bà H chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng không yêu cầu gì và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Bản án Dân sự sơ thẩm số 382/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 245, 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T và bà Lương Thị H.

1/- Buộc anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Mỹ K, chị Nguyễn Thị Mỹ D cắt bỏ bức tường bê tông có diện tích 5,1m² và tháo dỡ hàng rào lưới B40 cặp bờ kênh Sáu Thước có chiều dài 37,79 mét di dời hàng rào về hướng Bắc 1,5 mét để mở cho hộ ông Đào Văn T và bà Lương Thị Hồng I đi có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài cạnh hướng Bắc là 38,48 mét, cạnh hướng Nam là 37,79 mét. Diện tích lối đi là 58,1m² lối đi thuộc thửa đất số 10, diện tích 2.730m² tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất do ông Nguyễn Văn N1 đứng tên quyền sử dụng (có sơ đồ đo đạc kèm theo). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/- Ghi nhận ông Đào Văn T và bà Lương Thị H đồng ý bồi thường số tiền 56.398.400 đồng cho ông H1, anh S, anh L, chị D và chị K. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

* Ngày 12 tháng 9 năm 2023, bị đơn Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền của ông Đoàn Văn T3 và bà Lương Thị H là chị Dương Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngân hàng N4, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn L đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

** Đối với yêu cầu mở lối đi, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Nguyên hộ gia đình ông Đào Văn T và bà Lương Thị H là chủ sử dụng thửa đất số 3809, tờ bản đồ 01, diện tích 7.436,5m², tại địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Để đi từ đường công cộng vào thửa đất nêu trên, gia đình ông T, bà H phải đi trên lối đi dọc theo kênh S, qua phần đất của hộ ông Nguyễn Văn N1 thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 01, diện tích 2730,0m², loại đất trồng cây lâu năm, tại địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Thửa đất số 10, tờ bản đồ 01 của hộ ông Nguyễn Văn N1 có cạnh hướng Bắc giáp Quốc lộ A, cạnh hướng Nam giáp kênh S. Ở cạnh hướng Nam ông N1 có làm hàng rào lưới B40 và chừa ra một phần diện tích bên ngoài hàng rào giáp với kênh Sáu T4 để làm lối đi cho các hộ dân phía trong ra vào đất canh tác. Khi ông T, bà H nhận chuyển nhượng đất vào năm 2000 cũng được ông N1 cho sử dụng chung lối đi này. Sau đó, các hộ dân phía trong chuyển nhượng đất cho ông T nên hiện tại chỉ có hộ ông T, bà H sử dụng lối đi nêu trên.

Năm 2019, ông Nguyễn Văn N1 chết, con của ông N1 là ông Nguyễn Văn H1 tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ 01.

Tháng 6/2022, do lối đi xuống cấp nên ông T chuẩn bị đồ đạc làm lại lối đi thì xảy ra mâu thuẫn với ông H1. Ông H1 xây một bức tường cao 03 mét, dài 1,7 mét, tổng diện tích 5,1m² để bít lối đi không cho ông T, bà H sử dụng. Đồng thời ông H1 còn di dời hàng rào lưới B40 về sát bờ kênh Sáu Thước làm ảnh hưởng đến việc nạo vét kênh và tưới tiêu của các hộ dân trong ấp T, xã Đ.

Sau khi ông H1 bít lối đi, ông T và bà H có liên hệ với các chủ sử dụng đất liền kề là ông N2, ông N3, ông Đ để xin đi nhờ lối đi khác nhưng không được các hộ dân này đồng ý. Do không có lối đi nào khác, ông T và bà H phải dùng xuống để đi lại, vận chuyển trái cây ra đường công cộng, việc đi lại bằng xuống rất bất tiện vì kênh Sáu T4 thường xuyên cạn nước làm ảnh hưởng không ít đến cuộc sống, kinh tế của gia đình ông T, bà H. Do vậy, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu các bị đơn mở lại lối đi cũ cho gia đình ông, bà với diện tích 58,1m². Ông T, bà H tự nguyện bồi thường cho các bị đơn giá trị của 58,1m² đất làm lối đi, cây trồng, hàng rào trên lối đi theo thẩm định giá là 56.398.000 đồng nhưng các bị đơn không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ông T, bà H khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải mở lối đi với diện tích 58,1m² nằm trên thửa đất số 10, tờ bản đồ 01 là phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án và phù hợp pháp luật. Bởi lẽ, thửa đất 3809 của ông T, bà H và thửa đất số 10 của hộ ông Nguyễn Văn N1 mặc dù không tiếp giáp nhau nhưng ông T, bà H muốn đi ra đường công cộng phải đi qua thửa đất số 10 của ông N1. Như vậy, đất của ông T, bà H vẫn bị vây bọc bởi thửa đất này. Cho nên, ông T và bà H có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ. Lối đi mở trên thửa đất số 10 là lối đi duy nhất mà ông T, bà H sử dụng từ năm 2000 cho đến nay, là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên vì lối đi này nằm ở cuối thửa đất số 10 giáp với kênh Sáu Thước. Ông H1 cho rằng ngoài lối đi này thì ông T, bà H vẫn có thể thỏa thuận với chủ sử dụng đất khác liền kề để xin mở lối đi. Tuy nhiên qua xác minh, lấy lời khai các chủ sử dụng đất này thì họ không đồng ý cho ông T, bà H sử dụng chung lối đi với lý do từ trước đến nay ông T, bà H không sử dụng lối đi này mà chỉ sử dụng lối đi duy nhất qua đất của ông Nguyễn Văn N1, mặt khác lối đi này là đường đi nội bộ của gia đình ông N2, ông N3 và ông 6 Đ có hàng rào, cổng rào nên không cho người ngoài sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H1 trình bày yêu cầu kháng cáo cho rằng ông không đồng ý mở lối đi cho ông T và bà H vì việc mở lối đi sẽ làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của hộ gia đình ông H1 và ảnh hưởng đến diện tích đất được chia cho các anh em ông H1 nếu có. Tuy nhiên, qua xác minh thửa đất số 10 của hộ gia đình ông thì lối đi nằm cặp kênh Sáu Thước không chiếm hết phần đất

tiếp giáp kênh Sáu Thước của ông H1, không làm ảnh hưởng đến việc thoát nước của hộ gia đình ông H1, nên các ý kiến trình bày của ông H1 chỉ nhằm khai nại để không đồng ý cho ông T, bà H sử dụng lối đi nằm trên phần đất của hộ ông Nguyễn Văn N1.

Ngoài ra, căn cứ vào kết quả xác minh ngày 28/3/2024, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cung cấp thông tin như sau: Khi ông H1 làm hàng rào và xây tường bít lối đi thì Ủy ban nhân dân xã có ngăn chặn nhưng ông H1 không chấp hành dù đã nhiều lần ông H1 viết cam kết. Việc ông H1 xây tường, dời hàng rào sát bờ kênh là không đảm bảo cho việc nạo vét kênh công cộng do không có đường đi cho các phương tiện cơ giới ra vào. Mặt khác, kênh Sáu Thước là kênh công cộng nên theo quy định thì ông H1 phải chừa ra hành lang bảo vệ kênh mới đảm bảo cho việc tưới tiêu, chăm sóc vườn của các hộ dân trong xã. Cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn phải di dời hàng rào để mở lối đi cho các nguyên đơn là đúng pháp luật.

** Đối với việc bồi thường thiệt hại trên diện tích đất làm lối đi, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản thể hiện: Trên phần đất ông T, bà H yêu cầu mở lối đi có các tài sản của hộ ông Nguyễn Văn N1 gồm: 05 cây dừa trị giá 4.760.000 đồng; tường rào diện tích 5,1m² trị giá 4.345.000 đồng; lối đi có diện tích 58,1m² trị giá 47.293.400 đồng, tổng cộng 56.398.400 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ông T, bà H đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này cho các bị đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T và bà Lương Thị H là đúng với quy định của Điều 245 và Điều 254 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, về chiều dài của lối đi ở cạnh hướng Nam có sai sót không đáng kể nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm tuyên việc mở lối đi được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là mâu thuẫn với quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự quy định về quyền tự thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án của các đương sự và của cơ quan thi hành án. Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm có thể khắc phục bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm nên không cần sửa án mà chỉ cần điều chỉnh lại cho phù hợp, vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: các bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Ông H1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H1 đã nộp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 382/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 245, 254, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T và bà Lương Thị H.

- Buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ K, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải cắt bỏ bức tường bê tông có diện tích 5,1m² và tháo dỡ hàng rào lưới B40 cặp bờ kênh Sáu Thước có chiều dài 37,79 mét, di dời hàng rào về hướng Bắc 1,5 mét để mở cho hộ ông Đào Văn T và bà Lương Thị Hồng I đi có diện tích 58,1m² (chiều rộng 1,5 mét và 1,7 mét; chiều dài cạnh hướng Bắc là 38,48 mét, cạnh hướng Nam là 39,04 mét) thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ 01, diện tích 2.730m² tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do hộ ông Nguyễn Văn N1 đứng tên quyền sử dụng (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

- Ghi nhận ông Đào Văn T và bà Lương Thị H đồng ý bồi thường số tiền 56.398.400 đồng (Năm mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Nguyễn Thị Mỹ K.

- Kể từ ngày ông H1, ông S, ông L, bà D, bà K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà Hồng C thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/- Về án phí: Ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị Mỹ K phải liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Văn T và bà Lương Thị H phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là 2.820.000 đồng. Ông Đào Văn T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0021244 ngày 19/12/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện

C, tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp số tiền án phí 2.520.000 đồng (hai triệu, năm trăm, hai mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011912 ngày 14/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thẩm)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy